

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG WIN DESIGN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG WIN DESIGN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: WIN DESIGN ARCHITECTURE AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109503361

**3. Ngày thành lập:** 20/01/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 78-6, Tổ dân phố số 9, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0366737168

Fax:

Email: [windesignarch@gmail.com](mailto:windesignarch@gmail.com)

Website: [windesign.vn](http://windesign.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                    | 4101     |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                              | 4102     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                        | 4211     |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                         | 4212     |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                             | 4221     |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                  | 4222     |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                   | 4223     |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                    | 4229     |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                             | 4291     |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                      | 4292     |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                | 4293     |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. | 4299     |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                               | 4311     |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự mặt bằng xây dựng)                                                   | 4312     |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                | 4321     |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                | 4322     |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                       | 4329     |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                       | 4330     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4390        |
| 20. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4663        |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4752        |
| 22. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4753        |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4759        |
| 24. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4771        |
| 25. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng may mặc lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ hàng giày dép lưu động hoặc tại chợ;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4782        |
| 26. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động kiến trúc;<br>- Hoạt động đo đạc và bản đồ;<br>- Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước;<br>- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác;<br>- Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình;<br>- Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;<br>- Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình;<br>- Lập và thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng | 7110(Chính) |
| 27. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7410        |
| 28. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8121        |
| 29. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8129        |
| 30. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8130        |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN NGỌC VINH | Cụm 2, Xã Thọ Lộc, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông         | 90.000     | 900.000.000           | 30,000    | 0010980118<br>41                                                                            |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 90.000     | 900.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |

|   |                     |                                                                                   |                                    |         |               |        |           |  |
|---|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 2 | NGUYỄN<br>NGỌC TÙNG | Cụm 3, Xã Thọ<br>Lộc, Huyện Phúc<br>Thọ, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 90.000  | 900.000.000   | 30,000 | 017343996 |  |
|   |                     |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                     |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                     |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                     |                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                     |                                                                                   | Tổng số                            | 90.000  | 900.000.000   | 30,000 |           |  |
|   |                     |                                                                                   |                                    |         |               |        |           |  |
| 3 | LÊ THỊ KIM<br>LIÊN  | Khu Phú Động,<br>Thị trấn Cẩm<br>Khê, Huyện Cẩm<br>Khê, Tỉnh Phú<br>Thọ, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 120.000 | 1.200.000.000 | 40,000 | 132160109 |  |
|   |                     |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                     |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                     |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                     |                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                     |                                                                                   | Tổng số                            | 120.000 | 1.200.000.000 | 40,000 |           |  |
|   |                     |                                                                                   |                                    |         |               |        |           |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 17/03/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 017343996

Ngày cấp: 10/02/2012

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Cụm 3, Xã Thọ Lộc, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 78-6, Tổ dân phố số 9, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội